

THUYẾT TƯƠNG ĐỐI VĂN HÓA VÀ QUYỀN CON NGƯỜI

HOÀNG VĂN NGHĨA*

Tóm tắt: Thuyết tương đối văn hóa - từng là một trong những tâm điểm của cuộc tranh luận gay gắt giữa châu lục Á và Âu, giữa phương Đông với phương Tây, giữa các nước phát triển với các nước đang phát triển vào cuối thập niên 80- 90 của thế kỷ XX, đang còn là một trong những vấn đề lý luận cần được luận giải thấu đáo, đồng thời là một thực tiễn thách thức chủ nghĩa phổ quát (universalism) của quyền con người mà cộng đồng quốc tế đề cao. Bài viết này góp phần làm rõ bản chất và đặc trưng của thuyết tương đối văn hóa trong quan niệm về quyền con người, cũng như mối quan hệ của nó với tính tương đối về quyền con người phổ quát; qua đó một mặt khẳng định những giá trị, mặt khác chỉ ra những hạn chế, thách thức của nó đối với sự hình thành và phát triển của lý luận, pháp luật và thực tiễn quốc tế về quyền con người.

Từ khóa: Văn hóa, thuyết tương đối văn hóa, quyền con người.

1. Sự xuất hiện và thịnh hành của thuyết tương đối văn hóa

Thuyết tương đối văn hóa có mối liên hệ mật thiết tới sự luận giải quyền con người, đặc biệt kể từ cuối thập niên 80 và đầu thập niên 90 của thế kỷ XX trở lại đây. Thuyết tương đối văn hóa đã ảnh hưởng mạnh mẽ và thách thức đối với chủ nghĩa phổ quát của quyền con người, hay các quyền con người mang tính toàn cầu, phổ biến của Liên Hợp Quốc cũng như nhiều quốc gia phương Tây đề cao.

Jack Donnelly⁽¹⁾ trong tác phẩm của ông xuất bản năm 2007 về “*Tính phổ quát tương đối của quyền con người*” (The relative universality of human rights), đã một mặt thừa nhận có mối liên hệ hiển nhiên giữa quyền con người

với các nền văn hóa, đồng thời xem quá trình bồi đắp của các nền văn hóa khác biệt làm cho các quyền con người phản ánh ít nhiều tính văn hóa đặc thù của mỗi nền văn hóa sản sinh ra các giá trị ấy; mặt khác, Donnelly khẳng định rằng, các giá trị và quan niệm mà các nền văn hóa trước thế kỷ XVII, và ngay cả trước thế kỷ XX ở phương Tây, chưa thể được xem là trùng khít với quan

(*) Tiến sĩ, Viện Nghiên cứu Quyền con người, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

(1) Giáo sư của Chương trình Andrew Mellon tại trường Joseph Korbel về Quốc tế học thuộc Đại học Denver, tác giả của nhiều công trình nghiên cứu về quyền con người, trong đó có cuốn “*Tính phổ quát tương đối của quyền con người*” (relative universality of human rights, 2007), và cuốn thực tiễn nhân quyền toàn cầu (practices of universal human rights, 2003).

niệm và giá trị phổ quát của quyền con người mà cộng đồng quốc tế thừa nhận rộng rãi trong Tuyên ngôn Thế giới về nhân quyền (quyền con người) và Các công ước quốc tế về quyền con người. Mặc dù, Donnelly thừa nhận các ý niệm về công lý, bình đẳng và tự do của các xã hội truyền thống và các nền văn hóa khác nhau từ Đông sang Tây, từ Châu Á đến Châu Phi, từ Khổng giáo, Hindu, Hồi giáo,... đều hỗ trợ (support) cho các quyền con người, chúng không phải là các quyền con người hay không hoàn toàn tương thích với quan niệm hiện đại về quyền con người. Mặc dù, quyền con người hiện đại nảy sinh từ những quan niệm truyền thống, hay có cội rễ từ nhiều nền văn hóa đặc thù, chúng là kết quả của quá trình tương tác, bồi đắp và tiếp biến giữa các nền văn hóa để tạo thành một nền văn hóa hoàn toàn mới - nền văn hóa nhân quyền. Chính quá trình bồi đắp ấy làm cho các quyền con người từ những ý niệm (ideas) trở thành thực tiễn (practices) ở phạm vi sâu rộng cả về mặt nội hàm, nội dung và đặc biệt là về chủ thể. Chủ thể quan trọng nhất của các quyền con người là tất cả mọi người, mọi cá nhân và mọi nhóm xã hội - đặc trưng này dường như chỉ thực sự được xác lập và thừa nhận rộng rãi từ sau khi Liên Hợp Quốc ra đời và việc thông qua Tuyên ngôn Thế giới về nhân quyền năm 1948. Như vậy, quyền con người đi từ trạng thái phổ quát về mặt bản thể vào trạng thái phổ quát tương

đối về thực tiễn bảo đảm và thực thi; đi từ những ý niệm và giá trị mang tính đặc thù của một nền văn hóa nhất định trở thành những giá trị phổ quát, mà ở đó bao chứa những yếu tố hay đặc trưng nhất định của các nền văn hóa đặc thù.

Theo Donnelly, tất cả những sự khác biệt này đều được vượt qua bằng việc thừa nhận giá trị phổ quát đã được chất lọc từ các nền văn hóa của các quyền con người. Trong tác phẩm này, Donnelly đã lần đầu tiên nhấn mạnh đến những giới hạn của các quyền con người phổ quát (limits of the universal) bằng việc thừa nhận những đóng góp về mặt giá trị và các quan niệm về quyền con người của các nền văn hóa khác nhau. Mặc dù cuối cùng, Donnelly vẫn là người theo chủ nghĩa phổ quát (universalism) về quyền con người, song sự thừa nhận chính thức của một học giả phương Tây nổi tiếng về quyền con người là một chỉ dấu quan trọng cho thấy những điểm hợp lý nhất định trong một số nội dung của thuyết tương đối văn hóa về quyền con người.

Như vậy, tính tương đối văn hóa về nhân quyền cũng có cơ sở lý luận không dễ bị bác bỏ. Một trong những điểm đặc trưng của quyền con người đó chính là việc chúng có nguồn gốc từ đời sống hiện thực, từ hoạt động sống, hoạt động sản xuất ra đời sống vật chất của con người – tức là có mối liên hệ mật thiết tới bối cảnh xã hội nảy sinh các giá trị và quan niệm về tự do và các chuẩn mực

đạo đức, pháp luật về phạm vi, khuôn thước, mà ở đó mỗi cá nhân, nhóm xã hội và cộng đồng được thụ hưởng-đó cũng chính là văn hóa. Chính vì vậy, các giá trị và quan niệm văn hóa của một xã hội nhất định cũng ảnh hưởng đến quan niệm và thực tiễn về quyền con người. Về điểm này, các nền văn hóa đều góp phần, cả với tính cách tích cực và tiêu cực, vào quá trình hình thành và phát triển của các quyền con người phổ quát, mà ngày nay cộng đồng quốc tế đều thừa nhận. Những giá trị của một nền văn hóa Á Đông thấm đượm tư tưởng của Khổng giáo cũng phản ánh những đặc trưng của một nền văn hóa nhân quyền, mặc dù ở trong ý nghĩa và sự chỉ dẫn của các quan niệm về tính tự trị (autonomy) và tự do cá nhân (chẳng hạn, “kỷ sở bất dục vật thi ư nhân”). Văn hóa Á Đông cũng còn thấm đượm những giá trị nhân bản của Phật giáo, mà ở đó tinh thần khoan dung (tolerance), lòng bác ái (charity) và tinh thần “từ bi, hỉ xả” - tình thương yêu (compassion) là những đặc trưng xuyên văn hóa, xuyên đạo đức và giá trị phổ quát của các quyền con người ngày nay. Chính sự bồi đắp của các nền văn hóa đặc thù làm cho tinh thần của các quyền con người phổ quát ngày càng có sức sống mãnh liệt. Tuy nhiên, sự tuyệt đối hóa tính phổ quát mà phủ nhận tính tương đối về văn hóa đối với quan niệm và giá trị về quyền con người là một bằng chứng hiển nhiên của sự trỗi dậy

của thuyết tương đối văn hóa về nhân quyền. Bằng cách quá nhấn mạnh đến các giá trị phổ quát, mà quên đi những giá trị đặc thù của những nền văn hóa khác biệt, nhất là những giá trị ấy không những không trái với nguyên tắc nhân quyền phổ quát, mà còn là cơ sở, cội rễ của các quan niệm, giá trị phổ quát ấy, thuyết nhân quyền phổ quát đã vô hình chung làm mất đi sự tự thức tỉnh về những giá trị truyền thống của những nền văn hóa đặc thù và vai trò của chúng đối với quá trình tiến hóa của các quyền con người phổ quát.

2. Những thách thức đối với thuyết phổ quát về quyền con người (QCN)

Trong suốt những thập kỷ cuối thế kỷ XX và những năm đầu của thế kỷ XXI, vấn đề QCN đã trở thành vấn đề nóng bỏng, thu hút không chỉ những nhà chính trị và thực tiễn, mà còn cộng đồng khoa học trên toàn thế giới. QCN đã là tiêu điểm của các chương trình nghị sự quốc gia, khu vực và quốc tế, đồng thời được các siêu cường sử dụng như là công cụ để can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia có chủ quyền. Do vậy, QCN đã trở thành những mối quan tâm hàng đầu và tầm quan trọng đặc biệt không chỉ các quốc gia, các tổ chức quốc tế, mà còn của toàn thể cộng đồng nhân loại.

Một trong những chủ đề chính của các cuộc tranh luận sôi nổi, đó là cách tiếp cận QCN, quan điểm và thế giới quan về khái niệm và nội dung của

QCN, nhất là trong bối cảnh của một thế giới đa dạng về hệ tư tưởng và các nền văn hoá. Những vấn đề đặt ra, chẳng hạn, tại sao các quốc gia phi phương Tây tiếp tục chối bỏ quan điểm về nhân quyền của phương Tây? Phải chăng khái niệm về QCN phản ánh thuần túy giá trị phương Tây? Các QCN là mang tính phổ biến thuần túy, đặc thù thuần túy hay vừa mang tính phổ biến, vừa mang tính đặc thù? Những nội dung này sẽ được làm rõ dựa trên sự phân tích và đối chiếu với Tuyên ngôn Thế giới về QCN. Sự xuất hiện của tất cả các dạng thức của chủ nghĩa (hay thuyết) tương đối (relativism), đặc biệt là thuyết tương đối về văn hoá (cultural relativism), đã và đang là thách thức đối với chủ nghĩa phổ quát của các quyền được nêu trong bản Tuyên ngôn Thế giới về QCN, cũng như những hệ giá trị và chế độ nhân quyền quốc tế. Bởi vậy, việc tìm hiểu và khẳng định lại những chỉ dẫn đích thực của Tuyên ngôn trong hơn 60 năm qua và được xem là Văn kiện quốc tế quan trọng, có ảnh hưởng rộng lớn nhất của mọi thời đại sẽ có ý nghĩa quan trọng đặc biệt về lý luận và thực tiễn hiện nay.

Kể từ khi bản Tuyên ngôn ra đời, khái niệm nhân quyền phổ biến (universal human rights) hay tính phổ biến của QCN (universality of human rights) đã được xem là thước đo chuẩn mực của hệ thống pháp luật quốc tế và của nhiều hệ thống pháp luật quốc gia. Tuy nhiên, trên bình diện lý luận và thực

tiễn, việc thừa nhận các giá trị phổ biến của QCN không hề được diễn ra suôn sẻ. Trái lại, nó đã và đang là chủ đề nóng bỏng của các cuộc tranh cãi mạnh mẽ và tiếp diễn của các quan điểm và cách tiếp cận khác nhau về QCN. Sự trỗi dậy của chủ nghĩa đế quốc và thực dân mới núp bóng dưới quá trình toàn cầu hóa, chủ nghĩa dân tộc, tôn giáo và văn hoá cực đoan đã hơn bao giờ hết thách thức ghê gớm đến giá trị phổ biến và cao cả của QCN với tính cách là một giá trị đạo đức và văn hoá xuyên qua mọi sự khác biệt về trình độ văn minh và sự đa dạng về văn hoá.

Nhiều nhà khoa học cho rằng, khái niệm QCN, mặc dù được ra đời ở Châu Âu và là sản phẩm của sự phát triển tư bản chủ nghĩa, QCN xét đến cùng là sự kết tinh giá trị cao cả của tất cả các nền văn hoá và toàn nhân loại, bản thân nó mang giá trị phổ biến, toàn cầu⁽²⁾; và rằng, các QCN, không còn nghi ngờ gì nữa, là phổ biến⁽³⁾. Tuy nhiên, các nhà khoa học theo hướng đối lập đã lập luận rằng, các QCN mang tính tương đối và cần được nhìn nhận ở góc độ tương đối dựa trên thuyết tương đối văn hoá (cultural relativism). Chẳng hạn, các nền văn hoá Châu Phi, và cách tiếp cận giá

⁽²⁾ Freeman, Michael (2002), *Human Rights: An Interdisciplinary Approach* (Cambridge: Polity Press), p.56-7.

⁽³⁾ Donnelly, Jack (1989), *Universal Human Rights in Theory and Practice* (Ithaca and London: Cornell University Press), p.1.

trị dựa trên sự khác biệt đặc thù về văn hoá; chẳng hạn, các giá trị Châu Á (Asian values)⁽⁴⁾. Những cách tiếp cận này đã và đang thách thức tính phổ quát của QCN bằng việc khẳng định rằng, tất cả các quyền và giá trị con người đều cần phải được xác định và giới hạn dựa trên những góc nhìn văn hoá khác nhau. Theo quan điểm của thuyết tương đối về văn hoá, nếu như trong hiện thực không tồn tại một nền văn hoá toàn cầu, thì sẽ không thể tồn tại bất cứ QCN nào mang tính toàn cầu⁽⁵⁾. Các học giả theo thuyết tương đối về văn hoá cũng đã lập luận rằng, các QCN không thể phản ánh tính phổ biến vì chúng mang giá trị phương Tây và hơn thế nữa, là các giá trị Châu Âu và Thiên chúa giáo⁽⁶⁾. Học giả Amartya Sen⁽⁷⁾, cũng như nhiều học giả Châu Á khác, cũng đã phê phán quan điểm của các học giả phương Tây khi cho rằng, Châu Á không có truyền thống tự do chính trị và rằng dân chủ không dễ dàng hiện diện ở Châu Á⁽⁸⁾.

Nếu như kỷ nguyên Phục hưng và Khai sáng Châu Âu đã sản sinh ra khái niệm QCN, thì nguồn gốc của khái niệm này có thể được tìm thấy trong lịch sử nhân loại, có ở ngay trong tôn giáo, các trường phái tư tưởng, triết học cổ đại ở Hy Lạp, La Mã, Trung Quốc, Ấn Độ,... trong những quan niệm của họ về vũ trụ, xã hội và con người.

Theo quan điểm mácxít, nguồn gốc và sự phát triển của khái niệm QCN, cũng giống như những khái niệm và

phạm trù khác, là một hình thái của ý thức xã hội, thuộc về kiến trúc thượng tầng của xã hội, và sự phát triển của những tư tưởng về QCN phản ánh quá trình đấu tranh giai cấp⁽⁹⁾. Quan điểm mácxít đặc biệt nhấn mạnh đến tính lợi ích giai cấp sẽ quyết định đến quan niệm và nội dung của QCN. Và vì vậy, sự phát triển của các quan niệm về QCN phản ánh quá trình đấu tranh giữa con

⁽⁴⁾ Xem Lee Kwan Yew in Lee Kwan Yew's interview with Fareed Zakaria, 'Culture is destiny: a conversation with Lee Kwan Yew', *Foreign Affairs*, 1994, vol. 73, p. 113.

⁽⁵⁾ Dẫn theo Shashi Tharoor (2000) 'Are Human Rights Universal?' <http://www.worldpolicy.org/journal/tharoor.html>, accessed 15 May 05.

⁽⁶⁾ Langlois J., Anthony (2001), *The Politics of Justice and Human Rights: Southeast Asia and Universalist Theory* (Cambridge: Cambridge University Press), p.7.

⁽⁷⁾ Nhà kinh tế học và triết học người Ấn-độ đoạt giải Nobel năm 1998. Tác phẩm nổi tiếng 'Phát triển là quyền tự do' (xuất bản 1999) được xem là đóng góp của ông vào sự phát triển của lý thuyết đương đại về tự do và quyền con người, với điểm nhấn vào lý thuyết về bình đẳng, tự do và quyền dựa trên năng lực.

⁽⁸⁾ Sen, Amartya (1997) 'Human rights and Asia Values (lecture)', (Carnegie Council on Ethics and International Affairs), http://www.cceia.org/media/254_sen.pdf, accessed 5 May 05.

⁽⁹⁾ 'Các nhà kinh điển mácxít xem các quyền dân sự và chính trị trong xã hội tư bản chẳng phải cái gì khác hơn là những quyền tư sản, là những quyền chỉ có thể được thực hiện, một cách tốt nhất, bởi giai cấp tư sản và một cách tồi tệ nhất, có thể được sử dụng như là một công cụ để đàn áp giai cấp công nhân'. Xem Johnson, Glen & Symonides Janusz (1998), *The Universal Declaration of Human Rights: A History of Its Creation and Implementation* (UNESCO Publishing), pp.43-4.

người với tự nhiên và giữa họ với nhau này. Hệ quả là, các giai cấp khác nhau và xã hội khác nhau chắc chắn sẽ nảy sinh những quan niệm khác nhau về QCN. Trong số các quan niệm đang thịnh hành, đáng lưu ý là thuyết tương đối (relativism), thuyết phổ quát (universalism) và thuyết biện chứng (dialectics) của QCN. Trong khi thuyết tương đối và phổ quát đều nhấn mạnh đến giá trị hoặc là phổ biến hoặc là đặc thù của QCN, thuyết biện chứng cho rằng, các QCN vừa mang tính phổ biến, vừa mang tính đặc thù. Không phải chỉ có các học giả mácxít ngày nay nhấn mạnh đến tính biện chứng của QCN, mà ngay cả một số học giả phương Tây, chẳng hạn như Jack Donnelly, cũng thừa nhận tính chất kép của các QCN ở những phạm vi nhất định.

Nếu như chủ nghĩa Mác tiếp cận QCN dưới góc nhìn giai cấp và đấu tranh giai cấp (như các nhà kinh điển mácxít chỉ rõ, “tự do của giai cấp này là sự mất tự do của giai cấp khác”, “bình đẳng chỉ tồn tại trong nội bộ của giai cấp có cùng quyền lợi”...), thì chủ nghĩa phổ quát về QCN đề cao cách tiếp cận phi giai cấp. Theo đó, nền tảng tiên quyết của các QCN là: sở dĩ gọi là các QCN chỉ đơn giản vì chủ thể của chúng là con người và chúng thuộc về tất cả mọi người - đơn giản vì họ là con người, và không dựa trên bất cứ sự phân biệt nào về chủng tộc, giai cấp, màu da, giới tính, sắc tộc, chính kiến, địa vị xã hội

hay những nguồn gốc khác,.. Rõ ràng quan niệm này đã dường như chỉ dẫn đến việc phê phán cách tiếp cận giai cấp, hay bất cứ cách tiếp cận đặc thù nào khác của QCN. Vậy phải chăng quan điểm mácxít về QCN là hoàn toàn đối lập với chủ nghĩa phổ quát về quyền? Sự ra đời của chủ nghĩa phổ quát về QCN là hệ quả trực tiếp của việc tước đoạt quyền sống của hàng chục triệu thường dân vô tội trong nửa đầu của thế kỷ XX, cũng như việc đối xử tàn tệ và phi nhân tính đối với tù nhân và việc thăm sát con người chỉ vì sự khác biệt về hệ tư tưởng, sắc tộc, tôn giáo và chủng tộc ở Châu Âu. Đồng thời QCN phổ quát cũng là sản phẩm trực tiếp của cuộc đấu tranh đầy xương máu, không ngừng nghỉ của các dân tộc bị áp bức và nhân dân lao động trên toàn thế giới, là kết quả của tiến trình tan rã của chủ nghĩa thuộc địa và sự hình thành của các quốc gia độc lập vốn là những thuộc địa của các đế quốc Châu Âu. Về mặt lịch sử, quan niệm về QCN ban đầu không mang tính phổ quát bởi vì nó đã khởi nguồn từ các nhà tư tưởng Châu Âu thế kỷ XVII, XVIII⁽¹⁰⁾. Dưới quan điểm mácxít, chủ nghĩa toàn cầu (hay phổ quát) của QCN xuất hiện là kết quả của quá trình tư bản hoá với việc mở rộng thị trường, lãnh thổ, việc xuất khẩu các giá trị văn hoá

⁽¹⁰⁾ Moira Rayner, *History of Human Rights-Up to WW2*, <http://www.universalrights.net/main/histof.htm> (accessed 19.10.08).

Châu Âu, đồng thời đó cũng chính là sự đòi hỏi tất yếu của xã hội tư bản về việc thiết lập một thị trường chung, thống nhất để bảo vệ cho lợi ích đặc thù của nhà tư sản. Do đó, chủ nghĩa tự do phương Tây có cội nguồn sâu xa từ yêu sách tự do về sức lao động và thị trường tự do là hệ quả trực tiếp của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Trong thế kỷ XIX và XX, chủ nghĩa thuộc địa và đế quốc khởi nguồn từ Châu Âu đã thống trị hầu như toàn bộ thế giới, và vì vậy, việc mở rộng các giá trị về tự do, dân chủ phương Tây nói chung và chủ nghĩa toàn cầu nói riêng đã được áp đặt một cách miễn cưỡng vào trong các xã hội thuộc địa và các quốc gia kém phát triển. Cùng với quá trình toàn cầu hoá mạnh mẽ về kinh tế, quá trình toàn cầu hoá về các giá trị văn hoá và pháp luật đã tác động làm thay đổi cấu trúc bền vững của những hệ thống chính trị truyền thống ở xã hội thuộc địa và tiền công nghiệp này. Quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá ở những xã hội tiền tư bản và phong kiến đã làm thay đổi hệ giá trị truyền thống và sự du nhập, nhân bản của giá trị phương Tây. Dĩ nhiên, điều này đã dẫn đến việc tiếp nhận một cách có ý thức những giá trị toàn cầu của QCN tại những quốc gia dựa trên văn hoá truyền thống và giá trị đặc thù. Chủ nghĩa toàn cầu ra đời trong bối cảnh ấy và được đánh dấu đỉnh cao bằng bản Tuyên ngôn Thế giới về QCN năm 1948 với tính cách là bước nhảy vọt

trong sự phát triển của QCN, có giá trị lớn lao trên cả phương diện lý luận và thực tiễn⁽¹¹⁾.

3. Thuyết tương đối văn hóa và tính tương đối của các QCN phổ quát

Sự trỗi dậy của thuyết tương đối văn hóa về quyền con người đã không chỉ thách thức ghê gớm đến sự thịnh hành của thuyết nhân quyền phổ quát, mà còn góp phần vào việc phát triển và hoàn thiện hệ thống lý luận về quyền con người hiện đại. Theo ý nghĩa đó, thuyết tương đối văn hóa đã làm thức tỉnh cách tiếp cận tương đối về quyền con người phổ quát, vốn suốt hơn nửa thế kỷ, chỉ đóng kín trong khuôn mẫu tuyệt đối hóa mặt phổ quát, mà xem nhẹ mặt tương đối của quyền con người. Lý luận về tính phổ quát tương đối của quyền con người, như phân tích ở trên, cho thấy một cách tiếp cận đúng đắn và thực tiễn hơn về quyền con người trong bối cảnh ngày nay.

Mặc dù thuyết tương đối văn hóa đã và đang bị công kích mạnh mẽ từ cộng đồng quốc tế và những người theo chủ nghĩa nhân quyền phổ quát, hay chủ nghĩa toàn cầu về nhân quyền, về đề cao và tuyệt đối hóa các giá trị của những nền văn hóa đặc thù đã có tác động nhất định đến việc đánh giá lại những quan niệm siêu hình, tuyệt đối hóa giá trị phổ

⁽¹¹⁾ Bailey, Peter *The Creation of the Universal Declaration of Human Rights*, <http://www.udhr.net/index.php/history-of-udhr-creation> (accessed 19.10.08).

quát của quyền con người trong bối cảnh thế giới đa dạng văn hóa ngày nay.

Trong khi phê phán thuyết tương đối văn hóa về quyền con người, Jack Donnelly-một học giả hàng đầu về quyền con người hiện nay, đã đưa ra quan niệm về tính phổ quát tương đối của các quyền con người (*relative universality of human rights*), được luận bàn trong tác phẩm “Tính phổ quát tương đối của QCN”⁽¹²⁾, xuất bản năm 2007 tại Hoa Kỳ.

Nếu như Tuyên ngôn Thế giới về QCN là một bằng chứng hiển nhiên về chủ nghĩa phổ quát của QCN, hai công ước năm 1966 (Công ước quốc tế về các quyền dân sự - chính trị và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, văn hoá và xã hội) cho thấy sự khác biệt về hệ tư tưởng và văn hoá đã phủ bóng lên tính phổ biến và tính đặc thù của QCN. Các QCN, mặc dù được trình trọng tuyên bố trong lời nói đầu của Tuyên ngôn (là chuẩn mực chung cần hướng tới của tất cả các dân tộc và quốc gia trên thế giới, và là cố hữu, không chuyển nhượng và không thể chia cắt), sự tồn tại của hai công ước riêng biệt về từng nhóm quyền cụ thể này là chỉ dấu cho thấy có sự tồn tại của tính tương đối của chủ nghĩa phổ quát về QCN. Chính vì vậy, Tuyên bố Viên năm 1993 đã khẳng định việc thừa nhận tính phổ quát của QCN phải trên cơ sở việc tôn trọng tính đặc thù về dân tộc, khu vực và bối cảnh lịch sử, văn hóa. Cách tiếp cận của thuyết tương đối

văn hoá về quyền đã không chỉ hiện hữu trong các xã hội phi phương Tây, mà còn ở chính những xã hội phương Tây vốn đề cao chủ nghĩa phổ quát, toàn cầu. Điều này là bởi vì, ‘hiện thực là không có bất cứ quốc gia hay nền văn hoá nào dễ dàng chấp nhận sự áp đặt một QCN ‘phổ biến’ nào đó mà nó xung đột với quan điểm bản địa’⁽¹³⁾. Chính vì điều này, việc viện dẫn trong thực tiễn những giới hạn của việc thực hiện quyền và sự bảo đảm tương đối của các quyền được nêu trong bản Tuyên ngôn đã và đang trở thành hiện tượng phổ biến ngay chính trong các xã hội phương Tây, nhất là ở Anh và Mỹ.

Với sự ra đời của Tuyên ngôn Thế giới về QCN năm 1948, lần đầu tiên khái niệm QCN phổ biến (toàn cầu) đã được chính thức ghi nhận trên cấp độ quốc tế và đặt nền móng cho chế độ quốc tế về việc bảo vệ và thúc đẩy QCN. Nó là kết quả thoả hiệp của quá trình tranh luận giữa chủ nghĩa pháp luật tự nhiên và chủ nghĩa thực chứng, chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa phổ quát và chủ nghĩa tương đối, và giữa các xã hội và nền văn hoá phương

⁽¹²⁾ Jack Donnelly (2007), *The Relative Universality of Human Rights*, 29 Hum. Rts. Q. 281 (2007) (Human Rights Quarterly, John Hopkins University, USA).

⁽¹³⁾ Reichert, Elisabeth, *Human Rights: An Examination of Universalism and Cultural Relativism*, *Journal of Comparative Social Welfare*, Vol. 22, No. 1, April 2006, pp. 23–36, p. 24.

Tây và phi phương Tây⁽¹⁴⁾. Tuyên ngôn là một sản phẩm đích thực của chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa phổ quát về QCN được xác lập bởi các quốc gia thịnh vượng và phát triển phương Tây. Cách tiếp cận phổ quát do đó khẳng định rằng, các QCN là phổ biến và đại diện cho tất cả các nền văn hoá và văn minh kết tinh từ lịch sử con người và xã hội loài người. Như Bertrand Ramcharan chỉ rõ, “Khái niệm QCN là một di sản tri thức của loài người. Tất cả mọi người đều tương tác và học hỏi lẫn nhau, khái niệm phẩm giá, luật pháp, tự do, bình đẳng và các quyền đều thúc đẩy thời đại chúng ta. Tuyên ngôn Thế giới về QCN được nảy nở từ cội nguồn quốc tế của châu Phi, châu Mỹ, châu Á và châu Âu trong sự kết tinh của các QCN phổ biến (toàn cầu)”⁽¹⁵⁾.

Các học giả phương Tây khác đã khẳng định rằng, mặc dù quan niệm về QCN là một sản phẩm của truyền thống tư tưởng tự do ở phương Tây, bản thân các QCN là mang tính phổ biến, bởi vì chúng bắt nguồn từ bản chất cốt lõi nhân văn, nhân đạo của con người, từ những giá trị phổ quát về đạo lý, lòng thương người và sự khoan dung vốn là những đặc trưng của tất cả các nền văn hoá. Vì vậy, Jack Donnelly khẳng định rằng, “nguồn của QCN chính là bản chất đạo đức của con người, điều mà vốn chỉ được liên kết một cách lỏng lẻo với “bản chất con người” được xác định bằng các nhu cầu có thể được xác định một cách khoa

học”⁽¹⁶⁾. Theo Donnelly, điều cần thiết đó là cần phải làm rõ thuật ngữ “tính phổ biến” của QCN, bởi vì có sự tồn tại của tính phổ biến mang tính quy phạm quốc tế và tính phổ biến đạo đức⁽¹⁷⁾.

4. Kết luận

Thực tế quyền con người mang bản chất kép, không chỉ thuần túy phổ quát hay thuần túy đặc thù. Trái lại, nó là sự thống nhất của tính phổ quát và tính đặc thù. Xét cả mặt nhận thức luận và bản thể luận dựa trên lập trường duy vật biện chứng, quyền con người không thuần túy mang bản chất phổ quát, cũng như không thuần túy mang bản chất đặc thù. Vì vậy, việc tuyệt đối hóa dạng thức nào, dù là chủ nghĩa phổ quát hay chủ nghĩa tương đối, đều là cách tiếp cận phiến diện, siêu hình về quyền con người. Cả hai thuyết phổ quát và tương đối đều có những điểm hợp lý nhất định trong việc luận giải về các quyền con người. Tuy nhiên, dù có những điểm hợp lý nhất định, thuyết tương đối về văn hóa chứa đựng nhiều điểm hạn chế và là rào cản, thách thức đối với việc thừa nhận và thực hành

⁽¹⁴⁾ Johnson, Glen & Symonides Janusz (1998), *The Universal Declaration of Human rights: A History of Its Creation and Implementation 1948-1998* (UNESCO Publishing), pp.42-9.

⁽¹⁵⁾ Ramcharan, Bertrand G. (1994), *The Universality of Human Rights*, International Commission of Jurists Review 53 (1994), 105.

⁽¹⁶⁾ See Donnelly, Jack (2003), *Universal Human Rights in Theory and Practice* (2nd Edn, Ithaca: Cornell University Press), p.14.

⁽¹⁷⁾ See Donnelly, Jack (2003), *op.cit.*, p.1-2.

rộng rãi các quyền con người phổ quát được nêu trong các văn kiện quốc tế của Liên Hợp Quốc. Xét về thực diện, thuyết tương đối văn hóa thách thức ghê ghớm đến việc đưa các lý tưởng cao cả của cộng đồng nhân loại vào thực tiễn. Thực tiễn hình thành và phát triển của các quyền con người trong gần 7 thập kỷ qua cho thấy sự viển đẫn và lạm dụng cách tiếp cận văn hóa và nhân học, đồng thời tuyệt đối hóa chúng trong phán xét các quyền con người đã làm gia tăng sự vi phạm, chối bỏ, thờ ơ hay biện minh cho những yếu kém và hạn chế của thực tiễn bảo đảm quyền con người trên phạm vi quốc tế, quốc gia và khu vực. Tình trạng viển đẫn tập tục và văn hóa truyền thống ở nhiều quốc gia cho những vi phạm nghiêm trọng về quyền phụ nữ, quyền trẻ em, chẳng hạn, là những minh chứng của việc tuyệt đối hóa thuyết tương đối văn hóa trong nhận thức và thực hành các quyền con người cho tất cả mọi cá nhân và nhóm xã hội, đặc biệt là những nhóm dễ bị tổn thương.

Quyền con người, biểu hiện trong thực tiễn, mang bản chất kép, vừa mang tính phổ quát và vừa mang tính đặc thù. Tuy nhiên, xét đến cùng, bản chất sâu lắng nhất của QCN là bản chất phổ quát là giá trị nền tảng của mọi giá trị. Quan điểm này không chỉ đúng với nhiều nhà khoa học hiện nay, (chẳng hạn như Donnelly khẳng định rằng, các quyền con người về bản thể là mang tính phổ

quát), mà còn đúng với cách tiếp cận mác xít. Theo C.Mác, xét đến cùng, bản chất con người là mang tính loài-phổ quát, như nhau. Nhưng bản chất hiện thực của QCN là nằm ở tính đặc thù của nó. Các QCN mang bản chất phổ quát là vì chúng tồn tại với tính cách là những khả năng của con người, và những khả năng ấy chỉ có thể được hiện thực hoá thông qua sự hiện hữu ở trong những tính đặc thù của chúng. Mỗi quan hệ giữa tính phổ biến và tính đặc thù của QCN chính là mối quan hệ bản thể giữa cái chung và cái riêng, theo đó, cái chung chỉ tồn tại trong cái riêng và thông qua cái riêng và ngược lại, cái riêng là hiện thân phong phú của cái chung đã được rút gọn. Và vì vậy, mặc dù tất cả các QCN là chuẩn mực chung của các nền văn hoá, chúng chỉ trở nên phổ quát và mang tính toàn cầu khi hiện thân trong các nền văn hoá bản địa và đặc thù. Điều này xuất phát từ việc chủ nghĩa phổ quát của QCN chỉ có thể trở thành hiện thực thông qua sự hiện tồn của nó vào một mẫu số chung của các nền văn hoá và những điều kiện đặc thù của lịch sử và xã hội loài người. Đến lượt mình, tính đa dạng của các nền văn hoá, cùng với các giá trị đặc thù (chẳng hạn như giá trị về đạo đức, phẩm giá và tự do) sẽ chỉ được nảy nở và phát triển khi chúng được giao thoa, tiếp biến và bồi đắp bởi các nền văn hoá và giá trị khác và hội nhập vào bối cảnh toàn cầu.

Tính năng động của văn hoá nằm ở khả năng của nó trong việc tiếp biến các giá trị của nền văn hoá khác và nếu như thiếu vắng quá trình liên tục của sự tiếp biến này, một nền văn hoá đặc thù nào đó sẽ chẳng thể tồn tại và phát triển. Trong quá trình tiếp biến các giá trị giữa các nền văn hoá khác nhau, phẩm giá và tự do với tính cách là nền tảng của các QCN đóng vai trò sống còn trong việc thực hiện một sứ mệnh kép, đó là vừa bảo vệ đồng thời vừa làm giàu bản sắc tính đặc thù và sự đa dạng văn hoá. Do vậy, nhấn mạnh đến tính phổ quát của các QCN được nêu trong Tuyên ngôn không có nghĩa là chối bỏ tính đặc thù của chúng; trái lại, các QCN sở dĩ mang tính phổ biến vì chúng luôn được hiện hữu và hiện thực hoá trong những dạng thức và điều kiện đặc thù; đồng thời chúng là sự kết tinh của những tính đặc thù sản sinh ra từ những nền văn hoá khác biệt. Sở dĩ cần phải đề cao các QCN phổ quát vì chúng là cái đích cao cả mà mọi nền văn hoá và xã hội đều phải hướng tới và vượt qua những điều kiện đặc thù của nó. Khát vọng về tự do đích thực và toàn diện là nội dung và bản chất của các QCN phổ quát, theo ý nghĩa ấy, các QCN phổ quát không chỉ tồn tại với tính cách là những chế định pháp luật quốc gia và quốc tế, mà với tính cách là những giá trị xuyên văn hoá và xuyên đạo đức. Điều này hoàn toàn trùng khít với học thuyết mácxít về giải

phóng con người và giải phóng nhân loại. Lý tưởng về QCN phổ quát đó chính là lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản. Vương quốc của tự do đích thực là vương quốc của chủ nghĩa cộng sản. Các QCN được nhấn mạnh trong Tuyên ngôn Thế giới về QCN thực chất là sự cụ thể hoá của những nội dung về giải phóng con người, giải phóng giai cấp và giải phóng nhân loại được nêu trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản năm 1848 của C.Mác và Ph.Ăngghen. Tuy nhiên, trong khi đề cao tính bản thể luận của các quyền con người là phổ quát, cũng giống như về mặt bản thể luận bản chất của con người là mang tính loài, cần lưu ý tính hiện thực-thực tiễn của các quyền con người khi được nhận thức và thực hành ở các điều kiện văn hóa, xã hội đặc thù nhất định. Việc nhận thức sâu sắc về ý nghĩa và ảnh hưởng của thuyết tương đối văn hóa về quyền con người đối với tiến trình hiện thực hóa đầy đủ các chuẩn mực quốc tế về quyền con người đóng vai trò quan trọng trong bối cảnh hiện nay.

Rõ ràng, việc thừa nhận các QCN phổ biến đã và đang phản ánh khát vọng ngàn đời của nhân loại trong cuộc đấu tranh đầy bi tráng trước những lực lượng tự nhiên và xã hội nhằm khẳng định phẩm giá, tự do, sự giải phóng và phát triển toàn diện những năng lực và phẩm chất cá nhân. Mặc dù bản Tuyên ngôn Thế giới về QCN ra đời cách đây

đã hơn 60 năm và nhân loại đã đạt được rất nhiều thành tựu lớn lao trong bước tiến và quá trình hiện thực hoá các QCN cho tất cả mọi người, các QCN mang tính phổ biến vẫn đã và đang bị chà đạp và vi phạm trên phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế. Chủ nghĩa tư bản đã khai sinh ra các QCN với tính cách là hệ thống lý luận và đặt nền móng cho chế độ nhân quyền toàn cầu, nhưng đồng thời nó cũng chính là kẻ tước đoạt ghê gớm nhất và hệ thống nhất các QCN trên phạm vi toàn thế giới. Ngày nay, quá trình toàn cầu hoá về kinh tế và văn hoá đã ngày càng làm gia tăng các giá trị của chủ nghĩa tư bản, nhưng cũng đồng thời là sự tước đoạt tinh vi nhất phẩm giá, tự do và các quyền cơ bản của các cá nhân, của các nhóm người dễ bị tổn thương và của các dân tộc lệ thuộc vào chu trình tích lũy tư bản bất tận của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Điều này đặt ra việc cộng đồng nhân loại cần phải có nỗ lực bền bỉ và kiên định trong cuộc đấu tranh nhằm đưa những khát vọng và mục tiêu cao cả được nêu trong Tuyên ngôn trở thành hiện thực. Xoá bỏ hoàn toàn ách áp bức bóc lột dưới mọi hình thức của chủ nghĩa tư bản là điều kiện tiên quyết để các QCN trở thành giá trị phổ quát đích thực, là hiện thân của tự do và sự giải phóng toàn diện của mọi cá nhân và nhân loại.

Sự phát triển của lý luận và thực tiễn về QCN trên phạm vi toàn cầu ngày nay

đã cho thấy việc nhận thức lại khái niệm phổ quát của QCN là một yêu cầu cấp bách. Những phân tích và chỉ dẫn mang tính gợi mở trên đây khẳng định một chân lý hiển nhiên rằng, các QCN, với tư cách là các giá trị xã hội và sản phẩm của quá trình phát triển nhận thức con người, là một giá trị hiện thực tương đối trong tính phổ quát lý tưởng. Điều này khẳng định mạnh mẽ rằng, các QCN, xét về mặt bản thể và xét đến cùng, là mang tính phổ quát; chúng không phải là các quyền phổ quát tuyệt đối và trừu tượng; trái lại, chúng là các quyền mang tính phổ quát tương đối hay phản ánh tính đặc thù trong hiện thực (điều kiện lịch sử cụ thể). Thực tiễn thừa nhận và hiện thực hoá các QCN phổ quát này trên phạm vi toàn cầu minh chứng tính tương đối của chúng. QCN phổ quát được trình trọng tuyên bố và quy định trong hệ thống pháp luật quốc tế thực chất là quyền phổ quát một cách tương đối, hay chính xác hơn, vừa mang tính phổ quát vừa mang tính đặc thù. Điều này hoàn toàn trùng khít với nhận thức của lý luận mácxít và quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Trong nhận thức lý luận và hành động thực tiễn trên lĩnh vực QCN, nguyên tắc bất di bất dịch này, hơn bao giờ hết, cần luôn phải được quán triệt và vận dụng sáng tạo, uyển chuyển và linh hoạt phù hợp với những đòi hỏi tất yếu của hiện thực khách quan.

